Phụ lục 5
TỔNG HỢP KẾT QUẢ LỰA CHỌN SÁCH GIÁO KHOA TOÀN TỈNH

TT	Môn học/ Hoạt động giáo dục	Năm học 2021						Năm học 2022					
		Nhà xuất bản ĐHSP TP HCM (bộ sách Cánh Diều)				Nhà xuất bản GDVN (bộ sách Chân trời sáng tạo)		Nhà xuất bản ĐHSP TP HCM (bộ sách Cánh Diều)		Nhà xuất bản GDVN (bộ sách Kế nối tri thức và Cuộc sống)		Nhà xuất bản GDVN (bộ sách Chân trời sáng tạo)	
		Số lượng cơ sở giáo dục chọn	Tỷ lệ % các cơ sở giáo dục chọn	Số lượng cơ sở giáo dục chọn	Tỷ lệ % các cơ sở giáo dục chọn	Số lượng cơ sở giáo dục chọn	Tỷ lệ % các cơ sở giáo dục chọn	Số lượng cơ sở giáo dục chọn	Tỷ lệ % các cơ sở giáo dục chọn	Số lượng cơ sở giáo dục chọn	Tỷ lệ % các cơ sở giáo dục chọn	Số lượng cơ sở giáo dục chọn	Tỷ lệ % các cơ sở giáo dục chọn
I	**TIỂU HỌC**												
1	Môn Toán	61	41.2	87	58.8	0	0.0	63	42.6	84	56.8	0	0.0
2	Môn Tiếng Việt	58	39.2	90	60.8	0	0.0	63	42.6	84	56.8	0	0.0
3	Môn Đạo đức	57	38.5	91	61.5	0	0.0	63	42.6	84	56.8	0	0.0
4	Môn Tự nhiên và Xã hội	57	38.5	91	61.5	0	0.0	63	42.6	84	56.8	0	0.0
5	Môn Giáo dục thể chất	57	38.5	91	61.5	0	0.0	63	42.6	84	56.8	0	0.0
6	Môn Âm nhạc	57	38.5	91	61.5	0	0.0	63	42.6	84	56.8	0	0.0
7	Môn Mỹ thuật	12	8.1	77	52.0	59	39.9	38	25.7	57	38.5	52	35.1
8	Hoạt động trải nghiệm	32	21.6	74	50.0	42	28.4	52	35.1	83	56.1	12	8.1
9	Môn Tin học							85	57.4	62	41.9	0	0.0

TT	Môn học/ Hoạt động giáo dục	Năm học 2021						Năm học 2022					
		Nhà xuất bản ĐHSP TP HCM (bộ sách Cánh Diều)				Nhà xuất bản GDVN (bộ sách Chân trời sáng tạo)		Nhà xuất bản ĐHSP TP HCM (bộ sách Cánh Diều)		Nhà xuất bản GDVN (bộ sách Kế nối tri thức và Cuộc sống)		Nhà xuất bản GDVN (bộ sách Chân trời sáng tạo)	
		Số lượng cơ sở giáo dục chọn	Tỷ lệ % các cơ sở giáo dục chọn	Số lượng cơ sở giáo dục chọn	Tỷ lệ % các cơ sở giáo dục chọn	Số lượng cơ sở giáo dục chọn	Tỷ lệ % các cơ sở giáo dục chọn	Số lượng cơ sở giáo dục chọn	Tỷ lệ % các cơ sở giáo dục chọn	Số lượng cơ sở giáo dục chọn	Tỷ lệ % các cơ sở giáo dục chọn	Số lượng cơ sở giáo dục chọn	Tỷ lệ % các cơ sở giáo dục chọn
10	Môn Công nghệ							79	53.4	68	45.9	0	0.0
11. Môn Tiếng Anh lớp 2		**Nhà xuất bản GDVN (Tiếng Anh 2 (Global Success)**		**Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh (Tiếng Anh 2 (i-Leam Smart Start)**		**Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (Tiếng Anh 2 (Phonics- Smart)**		**Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh (Tiếng Anh 2 (Macmillan Next Move)**					
		72	48.6	22	14.9	8	5.4	15	10.1				
12. Môn Tiếng Anh lớp 3		**Nhà xuất bản GDVN (Tiếng Anh 3 (Global Success)**		**Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh (Tiếng Anh 3 (i-Leam Smart Start)**		**Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh (Tiếng Anh 3 (Explore Our World)**		**Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh (Tiếng Anh 3 (Extra and Friends)**		**Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh (Tiếng Anh 3 (Phonics- Smart)**			
		98	66.2	27	18.2	11	7.4	10	6.8	1	0.7		
II	**TRUNG HỌC CƠ SỞ**												

TT	Môn học/ Hoạt động giáo dục	Năm học 2021						Năm học 2022					
		Nhà xuất bản ĐHSP TP HCM (bộ sách Cánh Diều)				Nhà xuất bản GDVN (bộ sách Chân trời sáng tạo)		Nhà xuất bản ĐHSP TP HCM (bộ sách Cánh Diều)		Nhà xuất bản GDVN (bộ sách Kế nối tri thức và Cuộc sống)		Nhà xuất bản GDVN (bộ sách Chân trời sáng tạo)	
		Số lượng cơ sở giáo dục chọn	Tỷ lệ % các cơ sở giáo dục chọn	Số lượng cơ sở giáo dục chọn	Tỷ lệ % các cơ sở giáo dục chọn	Số lượng cơ sở giáo dục chọn	Tỷ lệ % các cơ sở giáo dục chọn	Số lượng cơ sở giáo dục chọn	Tỷ lệ % các cơ sở giáo dục chọn	Số lượng cơ sở giáo dục chọn	Tỷ lệ % các cơ sở giáo dục chọn	Số lượng cơ sở giáo dục chọn	Tỷ lệ % các cơ sở giáo dục chọn
1	Môn Toán	40	35.4	62	54.9	11	9.7	39	34.0	63	56.0	11	9.7
2	Môn Ngữ văn	45	39.8	60	53.1	8	7.1	46	41.0	59	52.0	8	7.1
3	Môn KHTN	32	28.3	71	62.8	10	8.8	32	28.3	71	62.8	10	8.8
4	Môn Lịch sử và Địa lý	37	32.7	64	56.6	12	10.6	38	34.0	63	56.0	12	10.6
5	Môn Tin học	36	31.9	77	68.1		0.0	36	31.9	77	68.1	0	0.0
6	Môn Công nghệ	33	29.2	54	47.8	26	23.0	33	29.2	54	47.8	26	23.0
7	Môn GDTC	38	33.6	70	61.9	5	4.4	38	33.6	70	61.9	5	4.4
8	Môn GDCD	36	31.9	46	40.7	31	27.4	36	31.9	46	40.7	31	27.4
9	Môn Âm nhạc	38	33.6	60	53.1	15	13.3	40	35.0	58	51.0	15	13.3

TT	Môn học/ Hoạt động giáo dục	Năm học 2021						Năm học 2022					
		Nhà xuất bản ĐHSP TP HCM (bộ sách Cánh Diều)				Nhà xuất bản GDVN (bộ sách Chân trời sáng tạo)		Nhà xuất bản ĐHSP TP HCM (bộ sách Cánh Diều)		Nhà xuất bản GDVN (bộ sách Kế nối tri thức và Cuộc sống)		Nhà xuất bản GDVN (bộ sách Chân trời sáng tạo)	
		Số lượng cơ sở giáo dục chọn	Tỷ lệ % các cơ sở giáo dục chọn	Số lượng cơ sở giáo dục chọn	Tỷ lệ % các cơ sở giáo dục chọn	Số lượng cơ sở giáo dục chọn	Tỷ lệ % các cơ sở giáo dục chọn	Số lượng cơ sở giáo dục chọn	Tỷ lệ % các cơ sở giáo dục chọn	Số lượng cơ sở giáo dục chọn	Tỷ lệ % các cơ sở giáo dục chọn	Số lượng cơ sở giáo dục chọn	Tỷ lệ % các cơ sở giáo dục chọn
10	Môn Mỹ thuật	39	34.5	61	54.0	13	11.5	41	36.0	59	52.0	13	11.5
11	Môn Tiếng Anh	19	16.8	59	52.2		0.0	19	16.8	59	52.2		0.0
12	Hoạt động trải nghiệm	36	31.9	48	42.5	29	25.7	36	31.9	48	42.5	29	25.7
III	**TRUNG HỌC PHỔ THÔNG**												
1	Môn Toán							10	38.4	15	57.7	01	3.9
2	Môn Ngữ văn…							10	38.4	15	57.7	01	3.9
3	Môn Tiếng Anh							6	23.0	20	77.0	2	7,6
4	Môn Vật lý							9	34.6	16	61.5	3	11.5
5	Môn Hóa học							8	31.0	12	45.0	6	23
6	Môn Sinh học							8	31.0	11	42.0	7	27

TT	Môn học/ Hoạt động giáo dục	Năm học 2021						Năm học 2022					
		Nhà xuất bản ĐHSP TP HCM (bộ sách Cánh Diều)				Nhà xuất bản GDVN (bộ sách Chân trời sáng tạo)		Nhà xuất bản ĐHSP TP HCM (bộ sách Cánh Diều)		Nhà xuất bản GDVN (bộ sách Kế nối tri thức và Cuộc sống)		Nhà xuất bản GDVN (bộ sách Chân trời sáng tạo)	
		Số lượng cơ sở giáo dục chọn	Tỷ lệ % các cơ sở giáo dục chọn	Số lượng cơ sở giáo dục chọn	Tỷ lệ % các cơ sở giáo dục chọn	Số lượng cơ sở giáo dục chọn	Tỷ lệ % các cơ sở giáo dục chọn	Số lượng cơ sở giáo dục chọn	Tỷ lệ % các cơ sở giáo dục chọn	Số lượng cơ sở giáo dục chọn	Tỷ lệ % các cơ sở giáo dục chọn	Số lượng cơ sở giáo dục chọn	Tỷ lệ % các cơ sở giáo dục chọn
7	Môn Lịch sử							12	46.0	14	54.0	2	7.6
8	Môn Địa lý							13	50.0	13	50.0	0	0
9	Môn GDKT-PL							11	42.0	15	58.0	0	0
10	Môn Âm nhạc							6	50.0	6	50.0	0	0
11	Môn Mỹ thuật							0	0.0	12	100.0	0	0
12	Môn Công nghệ (NN)							10	38.0	16	62.0	0	0
13	Môn Công nghệ (CN)							12	46.0	14	54.0	0	0
14	Môn GDTC							11	42.0	14	53.8	9	34.7
15	Môn GDQP-AN							15	58.0	11	42.0	0	0
16	Hoạt động trải nghiệm-Hướng nghiệp							5	19.3	19	73.0	2	7.7
17	Môn Tin học							13	50.0	13	50.0	0	0